

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Địa chỉ: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, TT. Nhà Bè, H. Nhà Bè, Tp. HCM

Mã số thuế: 0301434177

Điện thoại: (028) 3782 7509

**BÁO CÁO GIÁM SÁT
TÀI CHÍNH NĂM 2018**

Tháng 3 năm 2019

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2018			Giải ngân năm 2018			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/18	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/18	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Cải tạo trụ sở Công ty - Thay tôn dẫy nhà làm việc khung tiền chế		65	65	100								65	65		65	65	65
2	Nhà cho thuê đậu xe		105	105	100								105	105		105	105	105
3	Xe ép rác		2.651	2.651	100							1.746	905	2.651	-			2.651
Tổng cộng			2.821	2.821		-		-	-	-		1.746	1.075	2.821	-	170	170	2.821

Người lập biểu

ngdyph

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ
Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

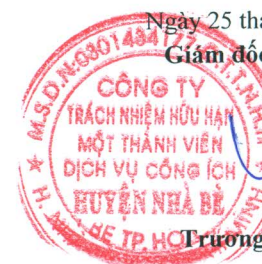
BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của DN, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ	Vốn CSH của Cty con, Cty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/vốn CSH công ty con, công ty liên kết
		Giá trị góp vốn			Tỷ lệ vốn góp (%)					Kỳ/năm trước	Kỳ/năm báo cáo	Kỳ/năm trước	Kỳ/năm báo cáo				
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/18	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/18										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con	Không có															
II	Công ty liên kết	Không có															
III	Đầu tư tài chính	Không có															

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 02 năm 2019
Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quảng Nhân

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: tr đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2016 [1]	Cùng kỳ năm 2017 [2]	Thực hiện năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2016 [5]=[4]/[1]	Cùng kỳ năm 2017 [6]=[4]/[2]	Kế hoạch năm [7]=[4]/[3]
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	184.062	133.611		144.239	78,36%	107,95%	
B.Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.605	128.110	139.119	67.970	55,44%	53,06%	92,17%
2. Giá vốn hàng bán	109.211	113.189		55.645	50,95%	49,16%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.394	14.921		12.325	92,02%	82,60%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	453	965		839	185,21%	86,94%	
5. Chi phí tài chính						-	
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.905	9.891		9.810	99,04%	99,18%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2016 [1]	Cùng kỳ năm 2017 [2]	Thực hiện năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm [3]	Thực hiện kỳ [4]	Cùng kỳ năm 2016 [5]=[4]/[1]	Cùng kỳ năm 2017 [6]=[4]/[2]	Kế hoạch năm [7]=[4]/[3]
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.942	5.995		3.354	85,08%	55,95%	
9. Thu nhập khác	-	23		-			
10. Chi phí khác	300	23		-			
11. Lợi nhuận khác	(300)	-		-			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.642	5.995	4.800	3.354	92,09%	55,95%	69,88%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	790	2.326	960	358	45,32%	15,39%	37,29%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	2.852	3.669	3.840	2.996	105,05%	81,66%	78,02%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/ TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm ?				
	- Thu gom rác đường phố (m ²)	167.613.055	155.784.659	93%	
	- Chăm sóc cây xanh (ha)				
	+ Mảng xanh	462	462	100%	
	+ Mảng xanh	2.2586	2.2586	100%	
	+ Chăm sóc cây xanh	2.237	2.237	100%	
	- Vận chuyển nước sạch (m ³)	16.760	12.005	72%	
	- Vận chuyển rác (tấn - km)	43.104	50.610	117%	
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)	49.611	49.611	100%	
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu ?	Không có	Không có	Không có	Không có
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu ?	Không có	Không có	Không có	Không có
4	Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm		27.683.273.635		
	- Thu gom rác đường phố (m2)		7.986.134.030		84,5%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)		4.746.839.769		100,4%
	- Vận chuyển nước sạch (m3)		812.391.284		80,4%
	- Vận chuyển rác (tấn-km)		7.654.710.253		112,6%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)		6.483.198.299		100,0%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm		32.436.231.411		
	- Thu gom rác đường phố (m2)		14.681.787.142	101,3%	102,0%
	- Chăm sóc cây xanh (ha)		5.100.203.483	101,5%	101,5%
	- Vận chuyển nước sạch (m3)		431.058.962	77,5%	78,4%
	- Vận chuyển rác (tấn-km)		5.019.545.460	100,0%	84,5%
	- Duy tu cầu đường thoát nước (md)		7.203.636.364	100,0%	100,0%

Người lập biểu

ngdyh

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT : tr đồng

Chỉ tiêu	Đầu đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	1.956	899		2.855
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.577	1.039	1.640	1.976
3. Quỹ thưởng VCQLDN	397		197	200
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Thuyết minh:

- Quỹ Đầu tư phát triển: Trong năm 2018 tăng quỹ Đầu tư phát triển 899 triệu do phân phối từ lợi nhuận năm 2018.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi:

Trong năm 2018:

+ Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi: 1 triệu là do thu Tiền thưởng công ty đạt danh hiệu "Tập thể Lao Động Tiên Tiến Năm 2017", Tăng 1.038 triệu do phân phối từ lợi nhuận năm 2018.

+ Giảm quỹ khen thưởng phúc lợi là: 1.640 triệu đồng trong đó chi khen thưởng cán bộ công nhân viên năm 2018 là 496 triệu và chi phúc lợi là 1.144 triệu đồng.

- Quỹ thưởng ban điều hành:

Trong năm 2018:

+ Giảm quỹ thưởng VCQL 197 triệu đồng là chi khen thưởng cho VCQL năm 2016 - 2017.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yên Duyên

Ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	2.353.748.251	3.685.510.856	5.644.505.094	394.754.013
- Thuế GTGT	4.500.085.287	1.660.509.392	3.627.920.263	2.532.674.416
- Thuế TNDN	(1.940.526.953)	357.770.032	290.576.512	(1.873.333.433)
- Thuế xuất, nhập khẩu				-
- Thuế Đất	(6.151.860)	1.383.074.766	1.376.922.906	-
- Các khoản thuế khác	(199.658.223)	284.156.666	349.085.413	(264.586.970)
+ Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
+ Thuế TNCN	(201.198.223)	281.156.666	344.545.413	(264.586.970)
+ Thuế khác	1.540.000		1.540.000	-
2. Các khoản phải nộp khác	191.139.895	-	232.154.453	(41.014.558)
- Phí, lệ phí	232.154.453		232.154.453	-
- Các khoản phải nộp khác	(41.014.558)			(41.014.558)
3. Nộp ngân sách Nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.		1.059.299.495		1.059.299.495
Tổng cộng	2.544.888.146	4.744.810.351	5.876.659.547	1.413.038.950

Người lập biểu



Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

Biểu số 05.A

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Tên DN: CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Loại hình DN: Hoạt động Công ích - Xây dựng, duy tu

Chi tiêu 1 (tr.đồng) Doanh thu và thu nhập khác			Chi tiêu 2							Chi tiêu 3					Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN
KH	TH	Xếp loại	Lợi nhuận sau thuế(triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại			
			KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH	Nợ NH	TSNH/NNH (lần)					
139.119	68.809	C	3.840	2.996	13.613	17.528	28,21 ¹	17,09	C	141.256	69.558	2,03	-	A	C	B	C

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến Duyên

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

Giám đốc doanh nghiệp



Trương Quang Nhân

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, TT Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

Biểu 05.B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người QLDN	Xếp loại hoạt động Người QLDN
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH H. NHÀ BÈ	28,24	17,09	60,59	C		Không hoàn thành nhiệm vụ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Yến Duyên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP



Trương Quang Nhân

Tên DN: **CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ**

Giấy ĐKKD số: 0301434177 ngày 11 tháng 8 năm 2010

Đ/c: 2281/16 Huỳnh Tấn Phát, KP 7, Thị Trấn Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài Chính)

	Có	Không
1. Trong năm, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	X	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không ?	X	
3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	X	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?	X	

Thuyết minh chỉ tiêu 4 : Doanh nghiệp luôn tuân thủ và thực hiện tốt trong việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật chủ trương của nhà nước. Trong năm không có trường hợp vi phạm nào xảy ra và bị lập biên bản vi phạm đối với doanh nghiệp.

Lập biểu



Nguyễn Thị Yến Duyên



Ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc

Trương Quang Nhân